

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/NQ-HĐND

*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2008***NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2008 và phương hướng nhiệm vụ năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 18 xác định:

I. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2009:**1. Mục tiêu tổng quát:**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội; đồng thời chủ động ngăn ngừa suy giảm kinh tế. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là ở đô thị, Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường, thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**a) Chỉ tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng GDP : 21 - 22%.
- GDP bình quân đầu người : 14,2 triệu đồng/người/năm
(835 USD/người/năm)
- Giá trị sản xuất (giá so sánh 1994):

- + Nông - lâm - ngư nghiệp tăng : 4,5 - 5%
- + Công nghiệp - xây dựng tăng : 84 - 85%
- + Dịch vụ tăng : 14 - 15%
- Cơ cấu kinh tế:
 - + Công nghiệp - xây dựng : 46 - 47%
 - + Dịch vụ : 29 - 30%
 - + Nông - lâm - ngư nghiệp : 24 - 25%
- Sản lượng lương thực có hạt : 446.730 tấn.
- Sản lượng mía cây : 412.535 tấn.
- Sản lượng thủy sản chế biến : 7.560 tấn.
- Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng: 96.470 tấn.
- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ : 13.000 tỷ đồng.
- Giá trị kim ngạch xuất khẩu : 67 triệu USD.
- Giá trị kim ngạch nhập khẩu : 20 triệu USD.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn : 2.121 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương : 3.045,426 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư phát triển : 20.508 tỷ đồng.
- b) Chỉ tiêu xã hội:
 - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên : 0,90 %.
 - Tạo việc làm mới và tăng thêm việc làm 34.000 lao động.
 - Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động: 24%.
 - Tỷ trọng cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế:
 - + Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản : 62,2%
 - + Công nghiệp - xây dựng : 16,7%
 - + Dịch vụ : 21,1%
 - Tỷ lệ trạm Y tế có bác sỹ : 80%
 - Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn 22,4%.
 - Số giường bệnh/1 vạn dân là 15,1 giường.
 - Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS: 95%
 - Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:
 - + Mầm non : 6%
 - + Tiểu học : 40%
 - + THCS & THPT : 32,5%
 - Tỷ lệ đạt chuẩn văn hoá:
 - + Gia đình văn hoá : 75 - 80%
 - + Thôn, tổ dân phố : 60 - 65%
 - + Cơ quan : 85 - 90%
 - Tỷ lệ phủ sóng phát thanh : 100%
 - Tỷ lệ phủ sóng truyền hình : 96%
 - Tỷ lệ hộ sử dụng điện : 98 %.
 - Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 18% (theo chuẩn hiện nay).

c) Chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng : 42%.
- Tỷ lệ dân đô thị dùng nước sạch : 100%.
- Tỷ lệ dân nông thôn dùng nước hợp vệ sinh: 82%.
- Tỷ lệ xử lý rác thải, chất thải rắn ở Khu kinh tế, Khu công nghiệp: 50%.
- Tỷ lệ cây xanh đô thị (TP Quảng Ngãi và các thị trấn): 55%.

d) Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh:

- Bảo đảm đạt 100% chỉ tiêu tuyển quân.
- Lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,5 - 1,6% so với tổng dân số.
- Xây dựng 85-90% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

đ) Các công trình trọng điểm:

- Hợp phần Di dân tái định cư Dự án hồ chứa nước Nước Trong (chuyển tiếp).
- Trường Đại học Phạm Văn Đồng (chuyển tiếp).
- Đường Bàu Giang - Cầu Mới (chuyển tiếp).
- Đường Trà Bồng - Trà My - Dung Quất (chuyển tiếp).
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh (chuyển tiếp).
- Các công trình giao thông và cấp thoát nước thành phố Quảng Ngãi (chuyển tiếp).
- Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (chuẩn bị đầu tư, thực hiện bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ).
- Đập dâng sông Trà Khúc.

II. Một số nhiệm vụ và giải pháp chính:

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với những nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội do Ủy ban nhân dân tỉnh trình, kiến nghị của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tại các báo cáo thẩm tra, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm góp phần kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội; vừa chủ động ngăn ngừa suy giảm vừa đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các huyện, thành phố từ năm 2011 đến năm 2020 phù hợp với quy hoạch Dải ven biển miền Trung và Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung của Chính phủ. Xúc tiến quy hoạch mở rộng Khu kinh tế Dung Quất; quy hoạch mở rộng thành phố Quảng Ngãi về phía bắc.

2. Huy động các nguồn lực tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, tốc độ phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, nhất là thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng, đền bù tái định cư; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tập trung nguồn lực hoàn thành các dự án lớn, trọng điểm của tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài, các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm

sau lọc dầu,... bảo đảm các điều kiện cần thiết cho nhà máy lọc dầu Dung Quất hoạt động. Mặt khác, cần rà soát những dự án không có khả năng triển khai, quá thời hạn theo luật định mà chưa thực hiện đầu tư để rút giấy phép, thu hồi đất nhằm tránh lãng phí.

3. Phát triển mạnh thương mại, du lịch, dịch vụ theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Có chính sách thu hút đầu tư xây dựng các mạng lưới chợ, siêu thị, nhà ở và các dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là chuyên gia, công nhân, người lao động tại Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp của tỉnh. Hoàn thành các khu du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Khe Hai và tuyến du lịch “theo dòng nhật ký Đặng Thuỳ Trâm”, kêu gọi đầu tư vào các khu du lịch Vạn Tường, Cà Đam - Nước Trong và đảo Lý Sơn. Tăng cường công tác kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, cạnh tranh không lành mạnh; kiểm soát chặt chẽ chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng và giá cả nguyên vật liệu, vật tư nông nghiệp, thuốc chữa bệnh và các hàng hoá thiết yếu khác trực tiếp ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống và sức khoẻ của nhân dân.

4. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển vùng nông thôn, miền núi của tỉnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm hàng hoá; đẩy mạnh sản xuất và cung ứng giống nông nghiệp đạt chất lượng cho nông dân, tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với phát triển toàn diện ngành thuỷ sản. Phát triển kinh tế miền núi theo hướng phát huy lợi thế về lâm nghiệp, chăn nuôi; thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo Quyết định 134, Chương trình 135 giai đoạn II và chương trình giảm nghèo bền vững của Chính phủ. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, quản lý sử dụng các nguồn tài nguyên đất, nước và tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả.

5. Tăng cường chỉ đạo, quản lý và khai thác các nguồn thu để bảo đảm đạt chỉ tiêu thu ngân sách năm 2009; xây dựng cơ chế chính sách tạo nguồn vốn và bố trí vốn hợp lý cho đầu tư phát triển của tỉnh và các huyện, thành phố. Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả chi tiêu công, triệt để tiết kiệm chi; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài sản công và ngân sách nhà nước theo đúng tinh thần Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Triển khai thực hiện xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, triển khai thực hiện tốt đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên (giai đoạn 2). Hoàn thành và đưa vào sử dụng bệnh viện Đa khoa mới của tỉnh; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực khám, chữa bệnh tại các trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã; đề cao y đức của đội ngũ y, bác sĩ; thực hiện tốt các chính sách về y tế và công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tổ chức các hoạt động văn hoá, lễ hội chào mừng các ngày lễ lớn về lịch sử và văn hoá của đất nước và của tỉnh. Có kế hoạch đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả các

thiết chế văn hoá, thể dục, thể thao. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình. Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngư dân và các chương trình mục tiêu khác. Tích cực thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo, chương trình xuất khẩu lao động theo Đề án được phê duyệt. Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người có công.

8. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước”; đẩy nhanh tiến trình áp dụng đồng bộ cơ chế một cửa liên thông trong các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương theo hướng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức và công dân. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Tập trung chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân, nhất là các vụ việc khiếu nại tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Tổ chức thanh tra chuyên đề trên một số lĩnh vực quan trọng về kinh tế - xã hội gắn với việc thanh tra chức trách công vụ của cán bộ, công chức. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết kịp thời, đúng qui định pháp luật các tố cáo hành vi tham nhũng.

9. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới và Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội có hiệu quả. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất, bảo vệ an ninh vùng biển. Đấu tranh ngăn chặn việc sử dụng vật liệu nổ đánh bắt hải sản. Chú trọng công tác phòng, chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn trên biển. Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiểm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

Điều 2. Về nội dung các Báo cáo và Tờ trình của UBND tỉnh:

1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2008, kế hoạch năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Danh mục các dự án đầu tư, chuẩn bị đầu tư năm 2009 thuộc nguồn vốn chi đầu tư phát triển cân đối từ ngân sách Nhà nước (bao gồm cả Khu kinh tế Dung Quất) và các nguồn huy động khác của tỉnh theo các phụ lục kèm theo Báo cáo. Riêng 6,5 tỷ đồng (nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu hạ tầng huyện mới tách Tây Trà) dự kiến bố trí cho dự án đường Trà Phong - Trà Ka chuyển sang bố trí cho các dự án Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tây Trà (4,5 tỷ

đồng) và Nhà làm việc Phòng Giáo dục huyện Tây Trà (02 tỷ đồng) trong kế hoạch năm 2009.

2. Nhất trí chủ trương tạm ứng vốn kho bạc Nhà nước để bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2009 theo Tờ trình số 3517/TTr-UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau: tổng dự nợ được tạm ứng tối đa là 500 tỷ đồng, bao gồm tạm ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước và tạm ứng vốn để thực hiện dự án. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tạm ứng, sử dụng, hoàn trả vốn đúng quy định của pháp luật.

3. Về Tờ trình số 3417/TTr-UBND ngày 27/11/2008 của UBND tỉnh về việc quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2009 của tỉnh Quảng Ngãi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện hết số lượng biên chế sự nghiệp Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao năm 2008; trong đó chú ý hai lĩnh vực giáo dục và y tế.

- Về tổng biên chế sự nghiệp năm 2009: Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, rà soát thực trạng sử dụng biên chế sự nghiệp trên địa bàn tỉnh để xây dựng Đề án về tổng biên chế sự nghiệp năm 2009, trong đó xác định lộ trình thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Đề án tổng biên chế sự nghiệp phải được tính toán trên cơ sở Đề án xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi các cấp, các ngành, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, góp phần hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán